XÃ HỘI NHÂN VĂN

XUÂN 2023, CHẴN 80 NĂM SỰ RA ĐỜI CỦA BẢO VẬT QUỐC GIA: *NGỤC TRUNG NHẬT KÝ*

PHONG LÊ*

1. 135 bài thơ chữ Hán trong *Ngục trung nhật ký*, được Hồ Chí Minh viết trong khoảng thời gian từ tháng 8-1942 đến 9-1943, nơi các nhà ngục ở Quảng Tây – Trung Quốc là một sự kiện rất đặc biệt, và cũng có thể là bất ngờ đối với tác giả. Đặc biệt, bởi, theo tôi hiểu, tác giả dường như chưa có một chuẩn bị gì cho sự kiện này. Nói theo Giáo sư Đặng Thai Mai, đây là tập thơ Hồ Chí Minh ngẫu nhiên mà hái lượm được. Có nghĩa là một tập thơ bỗng dưng mà có; bởi – ít nhất có bốn khả năng khiến cho tập thơ không chào đời; và do vậy sẽ không có trong danh mục tác phẩm của Hồ Chí Minh, và trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX.

Đó là:

- Thứ nhất, Bác không có công việc gì để sang Quảng Châu vào thời gian đó.

- Thứ hai, Bác có việc sang Trung Quốc nhưng không bị bắt.

- Thứ ba, Bác có bị bắt, nhưng thời gian giam giữ là ngắn, chứ không phải là 14 tháng; nghĩa là người tù có thể làm thơ, nhưng lượng bài là ít hơn, hoặc rất ít.

- Thứ tư, *Ngục trung nhật ký* được viết xong nhưng Bác đã không giữ được bản thảo; có biết bao lý do để bản thảo không trở về với chủ - là tác giả, sau ngót mười năm kháng chiến đã trở về thủ đô. Và như vậy cũng sẽ không có sự hiện diện của bản thảo trong Viện Bảo tàng cách mạng, rồi chuyển sang Viện Văn học (thành lập năm 1959); để từ địa chỉ này mà có sự bận rộn của Tố Hữu, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Nam Trân – những người tổ chức việc dịch và in ấn rất khẩn trương cho sự ra đời *Nhật ký trong tù* vào tháng 5-1960, kịp đón sinh nhật lần thứ 70 của tác giả.

Khả năng cuối cùng này, may mắn đã không xảy ra. Thế nhưng, cho đến nay hành trình của nguyên tác vẫn còn nhiều chỗ chưa sáng tỏ. Ai đã giữ hộ cho Bác tập thơ? Ai đã gửi tập thơ về Hà Nội? Từ Hà Nội hành trình của nguyên tác là đi theo những con đường nào? Đến với Triển lãm Cải cách ruộng đất ở phố Bích Câu? Trở về kho lưu trữ của Trung ương Đảng? Rồi chuyển về Bảo tàng cách mạng? Tất cả hành trình đó là do chủ ý của Bác hay của một tổ chức nào? Đã có một số bài báo và luận án Tiến sĩ về đề tài này, nhưng tất cả theo tôi vẫn chỉ là các giả thuyết. Giả Bác có trực tiếp nói về câu chuyện này - ngay từ 1954, sau khi về thủ đô; hoặc sau 1960, khi bản dịch *Nhật ký trong tù* ra đời; hoặc giả Bảo tàng Hồ Chí Minh có một công trình chính thức về câu chuyện này mà tôi chưa được đọc, thì cho phép tôi được xin lỗi, để trình bày lại.

Trong ý tưởng thứ hai này tôi chỉ muốn khẳng định: *Ngục trung nhật ký* là một tập thơ ngẫu nhiên mà có trong một hoàn cảnh đặc biệt: Bác sang Trung Quốc và bị giam giữ ở nhiều nơi trong 14 tháng. Nếu không có hoàn cảnh đó, chắc chắn sẽ không có tập thơ. Một tập thơ

* *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

Bác làm từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943; nhưng phải 17 năm sau bản dịch tiếng Việt mới đến được với công chúng rộng rãi trong nước, và qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài mà đến được với công chúng thế giới. Với điểm dừng cuối cùng là Bảo tàng cách mạng, như được nói trong *Lời nói đầu* bản dịch *Nhật ký trong tù*, in lần đầu năm 1960; và với khoảng cách 17 năm trong im lặng của nó, chứng tỏ người viết không quá quan tâm đến một sản phẩm do chính mình làm ra; nói cách khác, phải chăng Hồ Chí Minh đã không xem đó là một áng văn chương, hoặc có giá trị văn chương thực sự?

2. Trong 14 tháng bị giam giữ và giải tới giải lui qua nhiều huyện thị của tỉnh Quảng Tây; trong hoàn cảnh sinh hoạt rất mực gian khổ của người tù mà nhờ vào hình thức thơ – nhật ký ta được biết, Hồ Chí Minh đã làm 135 bài thơ. Đó là cả một kỷ lục!

Điều tôi quan tâm ở đây là Hồ Chí Minh đã chọn chữ Hán và thể thơ Đường luật bảy chữ - bốn và tám câu, sau 23 năm viết bằng chữ Pháp và chữ Việt. Vì sao có một chọn lựa như thế? Câu trả lời nên chăng là, việc làm thơ, việc bộc lộ các ý tưởng và cảm xúc của mình, đối với Bác, chỉ chữ Hán mới là phương thức chuyên chở và thể hiện thích hợp nhất. Bởi nguồn gốc xuất thân, môi trường đào luyện nhân cách và học vấn của Bác là nằm trong truyền thống Nho học có lịch sử hàng ngàn năm cho kẻ Sỹ ở xứ ta, mà gia đình Bác là thuộc giòng chân Nho. Ở tuổi ngoài 50, dẫu có 30 năm xa xứ, nói và viết bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài, khi trở về với riêng mình, thì chữ Hán vẫn là phương tiện cô đọng và hàm súc nhất cho việc phô diễn và tự sự. Vậy thì, sau khai mở là bài *Thượng sơn* – năm 1941, ngay sau ngày về nước, bây giờ là lúc mạch nguồn ấy được khơi dậy, để thành một giòng chảy cho con người thơ trong trạng thái tự nhiên có dịp soi vào, và nhận diện.

Lý do thứ hai, theo tôi hiểu, với *Ngục trung nhật ký*, khác với tất cả các tác phẩm viết trong 23 năm về trước, đó là tập thơ Bác chỉ *viết cho riêng mình*. Không phải cho công chúng của tiếng Pháp khi ở phương Tây, hoặc của tiếng Việt sau khi về nước, ở đây là một nhu cầu ghi chép thực tại, và các trạng huống của nội tâm, mà người đọc không có ai khác ngoài bản thân mình. Để hiểu bốn câu trong bài *Khai quyển*:

Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do

(Nam Trân dịch)

Hiện tượng tìm đến chữ Hán, trong thể Đường luật, theo tôi hiểu là với các lý do như thế, chứ không phải vì bất cứ lý do gì khác, như là phải "giữ bí mật" đối với kẻ thù là bọn quản giáo của Quốc dân đảng! Bác ở trên đất Tàu, và viết bằng chữ Tàu thì có gì là bí mật đối với họ?

3. Như vậy, *Ngục trung nhật ký* đã được ra đời một cách ngẫu nhiên, không có chuẩn bị. Cũng có nghĩa tác giả ở đây là *một nhà thơ không chủ định*. Không có ý định làm thơ, *không ham* làm thơ, như bốn câu thơ trong bài *Khai quyển*, thế nhưng giá trị thơ lại được khẳng định ngay sau khi ra mắt, trên cả hai văn bản chữ Hán và chữ Việt, vào tháng 5-1960; và trên các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, như Pháp, Nga, Anh,

Tây Ban Nha, Ả Rập, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Kể từ 1960 trở đi, trên số lượng hàng triệu bản in, hàng chục bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài; với hàng trăm công trình giới thiệu, hàng nghìn buổi nói chuyện của những học giả và thi nhân hàng đầu trong nước và trên thế giới, *Ngục trung nhật ký* đã có thể can dự một cách tích cực vào sinh hoạt văn hóa, tinh thần của dân tộc và nhân loại.

Một nhà thơ không chủ định, nhưng những gì được viết ra trong hoàn cảnh bị giam giữ, mất tự do lại mang theo chất thơ và những giá trị thơ đích thực, đó là câu chuyện đã được bàn kỹ lưỡng và thấu đáo qua nhiều thế hệ học giả và độc giả, tôi cảm thấy không có tư cách để nói gì hơn, nhằm tránh sự trùng lặp và nhàm tẻ.

4. *Viết về mình* trong tính chất một nhật ký – thơ ghi chuyện hàng ngày; *và viết cho mình*, gần như không nhằm vào bất cứ một đối tượng nào khác ngoài mình, *Ngục trung nhật ký* có tất cả ưu thế để trở thành một *chân dung tự họa*, trung thực nhất và sâu sắc nhất của Hồ Chí Minh. Một tự họa không cần đến bất cứ sự tô điểm nào, hoặc bất cứ sự che dấu nào; để lần lượt, từ bài này qua bài khác, Hồ Chí Minh hiện lên trước mắt ta trong rất nhiều tư thế: nhà cách mạng mất tự do, với khát vọng lớn nhất là được tự do; một tù nhân với muôn nỗi khổ; một nạn hữu với bao cảm thông với những người thấp bé; một hồn thơ gắn bó với thiên nhiên; một con người không trốn tránh những phút yếu lòng nhưng luôn luôn chiến thắng ngoại cảnh... Như vậy là có nhiều con người trong một con người qua cách tự biểu hiện ở 135 bài thơ. Nhưng nếu thu lại cho thật gọn thì chỉ còn hai con người – đó là một *chiến sĩ cách mạng* và một *thi nhân*, với *chất thép* và *chất thơ* – như được đúc kết trong bài *Khán "thiên gia thi hữu cảm"*.

Thơ xưa thường chọn thiên nhiên đẹp

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(Nam Trân dịch)

"Nay ở trong thơ nên có thép". Quả chất thép là cần vì sự định hướng cao cả và triệt để cho hoạt động của con người nhằm vào *cái tốt, cái thiện*. Nhưng đây lại là chất thép trong thơ; và như vậy, chất thơ lại cần cho sự phát triển và hoàn thiện con người, như một sản phẩm của tự nhiên và xã hội nhằm vào *cái đẹp*. Có cái trước để có cái sau. Rất cần nhấn mạnh tầm quan trọng của cái trước, nhưng cái sau mới là hệ quả, là mục tiêu mà con người cần theo đuổi. Những ai nói đến Hồ Chí Minh như là người theo đuổi đến cùng mục tiêu cách mạng, nếu có dịp dừng lại, đi sâu vào phẩm chất nghệ sĩ này sẽ thấy đó là con người luôn tạo được thế hài hòa, luôn tìm được sự bù đắp và thư giãn cho mình trong những hoàn cảnh gieo neo, khốc liệt. Và đó chính là biểu hiện, là bản lĩnh của sự kết hợp giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ.

Con người đó, cho đến hôm nay, trong sự soát xét lại các giá trị của thời gian, vẫn nguyên vẹn sự trọn vẹn như trong câu thơ của Tố Hữu:

Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng

Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay

(Theo chân Bác)

Với *Nhật ký trong tù*, ta may mắn có được *bức chân dung tự họa* của con người Hồ Chí

Minh. Rồi với cuộc đời Hồ Chí Minh ta càng hiểu thêm giá trị *Nhật ký trong tù*. Không có độ chênh giữa tác phẩm và tác giả. Hơn, và khác với bất cứ ai khác, có thể có độ chênh ít nhiều, thậm chí có khi khác biệt giữa văn và người, với Hồ Chí Minh, con người thực là bảo đảm bằng vàng cho thơ. Dẫu vậy, thơ chỉ mới nói được một phần nhỏ về người. Con người Hồ Chí Minh lớn hơn bất kỳ sự thể hiện nào trong thơ. Nhưng thơ, để hiểu con người, và để hiểu rộng ra nhiều điều khác nữa; và thơ – trong những lay động sâu xa về tình cảm, và khát vọng hướng tới cái Đẹp, cái Cao thượng… như trong *Nhật ký trong tù* lại là một sản phẩm quý giá, không gì thay thế được, càng không gì so sánh được.

Kể từ *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (1919) đến *Di chúc* (1969), trên hành trình 50 năm viết, qua rất nhiều thể, loại thơ và văn, Hồ Chí Minh đã để lại hai tác phẩm như hai tượng đài kề sát nhau, đó là *Ngục trung nhật ký* (1943) và *Tuyên ngôn độc lập* (1945). Một được viết trong tư cách người tù. Một trong tư cách lãnh tụ dân tộc – Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một như là viết cho riêng mình. Một là viết cho 25 triệu công dân Việt và hàng triệu bạn bè, anh em trên thế giới.

Nói Hồ Chí Minh, bất cứ ở phương diện nào cũng là nói đến một tầm vóc lớn, một chân dung lớn, với khát vọng cao đẹp nhất là *độc lập cho dân tộc và tự do cho con người*: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"[1]. Hai khát vọng được biểu trưng một cách đột xuất trong *Ngục trung nhật ký* - năm 1943 và *Tuyên ngôn độc lập* - năm 1945, cả hai gắn nối với nhau để cùng xuất hiện trong một thời điểm trọng đại của lịch sử dân tộc Việt.

Đầu xuân 2023

P.L

---

(1) Trả lời các nhà báo; tháng 1-1946; Hồ Chí Minh - Tuyển tập; Nxb. Sự thật; 1980; tr.381.